TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89/2025/QĐST-HNGĐ

Tp ., ngày 29 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 429/2025/TLST-HN ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1987
- Ông Âu Quang Minh L, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Số A G, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nay là A G, phường P, Tp ..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Người yêu cầu các đương sự cư trú tại Khu vực 6 và có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, căn cứ Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim N và ông Âu Quang Minh L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2024, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 08 đăng ký ngày 19/02/2024 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Kiên Giang). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống bà Lê Thị Kim N và ông Âu Quang Minh L có phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim N và ông Âu Quang Minh L thật sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung họ tên là Âu Lê Khánh V (nữ), sinh ngày 28/8/2023. Sau khi ly hôn các bà Lê Thị Kim N và ông Âu Quang Minh L thống nhất thỏa thuận: Giao 01 (một) con chung họ tên là Âu Lê Khánh V (nữ), sinh ngày 28/8/2023 cho bà Lê Thị Kim N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu đồng). Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuân của các đương sự nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim N và ông Âu Quang Minh L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 08, đăng ký ngày 19/02/2024 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Kiên Giang).

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị Kim N và ông Âu Quang Minh L xác nhận có 01 (một) con chung họ tên là Âu Lê Khánh V (nữ), sinh ngày 28/8/2023.

Sau khi ly hôn các bà Lê Thị Kim N và ông Âu Quang Minh L thống nhất thỏa thuận: Giao 01 (một) con chung họ tên là Âu Lê Khánh V (nữ), sinh ngày 28/8/2023 cho bà Lê Thị Kim N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu đồng) thực hiện vào ngày 10 tây dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 8/2025, cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trong trường hợp ông Âu Quang Kim L1 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Âu Quang Kim L1 phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Âu Quang Kim L1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3.Về tài sản chung: Không có.

1.4.Về nợ chung: Không có.

1.5. Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0062908 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh..

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc San H